Chi tiết mã HS 8535.10.00

Mã HS	8535.10.00
Mô tả hàng hóa	Thiết bị điện để đóng ngắt mạch hoặc bảo vệ mạch điện, hoặc dùng để đấu nối hoặc lắp trong mạch điện (ví dụ, cầu dao, công tắc, cầu chì, bộ chống sét, bộ khống chế điện áp, bộ triệt xung điện, phích cắm và đầu nối khác, hộp đấu nối), dùng cho điện áp trên 1.000 V / - Cầu chì
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 12:12:40
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85351000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15746
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15746
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15746
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15081
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15013
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15013
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15013
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15013
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15013
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15013
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15067
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15067
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15067
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15067

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15067
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15067
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15068
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15068
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15068
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15068
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15068
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15068
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15071
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15019
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15027
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15027
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15027
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15027
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15027
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15027
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15067
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15067
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15067
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15067
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15067
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15067
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15122
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15122
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15122
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15122

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15122
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15122
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15101
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15101
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15101
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15101
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15101
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15101
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15099
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15099
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15099
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15099
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15099
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15099
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15105
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15105
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15105
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15105
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15105
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15105
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15104
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15104
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15104
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15104
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15104
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15104

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15097
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15097
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15097
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15097
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15097
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15097
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15097
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15092
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15092
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15092
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15092
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15092
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15092
RCEP B	2022	2022	0	B!D15092
RCEP B	2023	2023	0	B!E15092
RCEP B	2024	2024	0	B!F15092
RCEP B	2025	2025	0	B!G15092
RCEP B	2026	2026	0	B!H15092
RCEP B	2027	2027	0	B!I15092
RCEP C	2022	2022	0	C!D15092
RCEP C	2023	2023	0	C!E15092
RCEP C	2024	2024	0	C!F15092
RCEP C	2025	2025	0	C!G15092
RCEP C	2026	2026	0	C!H15092
RCEP C	2027	2027	0	C!I15092
RCEP D	2022	2022	0	D!D15091

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E15091
RCEP D	2024	2024	0	D!F15091
RCEP D	2025	2025	0	D!G15091
RCEP D	2026	2026	0	D!H15091
RCEP D	2027	2027	0	D!I15091
RCEP E	2022	2022	0	E!D15095
RCEP E	2023	2023	0	E!E15095
RCEP E	2024	2024	0	E!F15095
RCEP E	2025	2025	0	E!G15095
RCEP E	2026	2026	0	E!H15095
RCEP E	2027	2027	0	E!I15095
RCEP F	2022	2022	0	F!D15092
RCEP F	2023	2023	0	F!E15092
RCEP F	2024	2024	0	F!F15092
RCEP F	2025	2025	0	F!G15092
RCEP F	2026	2026	0	F!H15092
RCEP F	2027	2027	0	F!I15092
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14060
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14060
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14060
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14060

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8535.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8535.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15746), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.